

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 298 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học bằng thứ hai ngành Luật,
hình thức đào tạo vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đạo tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học bằng thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo theo tín chỉ đối với ngành Luật hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số: 223 /QĐ-ĐHL ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo đại học bằng thứ hai ngành Luật hệ chính quy theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHL ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo đại học bằng thứ hai ngành Luật, hình thức đào tạo vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2017 – 2018 cho các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Huế {đề b/c};
- Website Trường;
- Lưu: VT,CTSV,ĐT,ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: BẰNG ĐẠI HỌC THỨ HAI (VỪA LÀM VỪA HỌC)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 298/QĐ/ĐHL ngày 21 tháng 7 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)*

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật.
 - + Tiếng Anh: Law.
- Mã ngành đào tạo: 52380101.
- Trình độ đào tạo: Bằng đại học thứ hai (vừa làm vừa học).
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật.
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Law.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân Luật bằng thứ hai có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, có tư duy pháp luật một cách hệ thống, có các kỹ năng nghề luật cơ bản và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, vận dụng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo:

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học lý luận chính trị để hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề cơ bản và hiện đại về nhà nước và pháp luật;
- Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và nhân văn vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chương trình đào tạo ngành Luật;
- Hiểu và có khả năng vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành và cơ sở ngành vào việc nhận diện các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nhà nước và pháp luật như: phát hiện được quy luật phát triển của hiện tượng nhà nước và pháp luật dựa trên các quy luật phát triển của xã hội; xác định được vị trí của nhà nước và pháp luật trong quá trình phát triển của xã hội; mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật với tổ chức, cá nhân được tiếp



cận dựa trên quyền; các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và khả năng vận dụng vào việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

- Thông hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng của khoa học ngành Luật trong việc nhận biết và giải quyết các tình huống phát sinh trong đời sống xã hội và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp luật hoặc liên quan;

- Thông hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và độc lập đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề pháp lý phát sinh; đưa ra được cách thức giải quyết tình huống phát sinh dựa trên tư duy pháp lý có tính hệ thống;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức pháp luật vào thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai, có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; xác định được các mối quan hệ pháp lý liên quan đến các chức danh nghề nghiệp của ngành luật;

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3.2. Về kỹ năng

* Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng xây dựng kế hoạch để hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết pháp luật và quy định pháp luật vào thực tiễn công việc trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể; có kỹ năng phát biểu và trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề pháp lý tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp của ngành luật;

- Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý nói chung; có phương pháp phân tích, đánh giá mối liên hệ giữa quy định pháp luật và tình huống pháp lý phát sinh để nhận diện vấn đề pháp lý cần giải quyết, phương pháp, cách thức giải quyết vấn đề pháp lý dựa trên nền tảng tư duy pháp lý;

- Biết tiếp cận và vận dụng các vấn đề kinh tế xã hội vào thực tiễn công việc của nghề luật; bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phân biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học, môi trường pháp luật thực định thuộc chuyên ngành đào tạo;

- Có khả năng tự nghiên cứu và lập luận, biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong một số tình huống pháp lý cụ thể;

- Có khả năng tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị;

- Bước đầu hình thành khả năng cảm nhận công lý, trách nhiệm cá nhân trong thực tiễn công việc của nghề luật.

* Kỹ năng bổ trợ

- Có kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo;

- Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình;
- Có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích;
- Có kỹ năng đàm phán, tư vấn và làm việc với khách hàng;
- Có kỹ năng thích ứng và quản lý sự thay đổi với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động;
- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp bằng ngoại ngữ theo quy định; có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, sử dụng tốt, linh hoạt các thuật ngữ pháp lý trong giao tiếp và giải quyết công việc.
- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng như: Word, Excel, Powerpoint... để có thể soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng;
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ theo quy định; diễn đạt tốt bằng ngôn ngữ tiếng Việt các vấn đề pháp lý; sử dụng linh hoạt ngôn ngữ tiếng Việt trong đàm phán, tạo dựng quan hệ pháp luật phù hợp với vị trí chức danh nghề nghiệp được lồng ghép trong chương trình đào tạo ngành Luật.

3.3. Về phẩm chất đạo đức

* Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực;
- Có ý thức vượt khó, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;
- Có tinh thần cầu thị trong học tập và lao động;
- Có thái độ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác;
- Chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo;
- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

* Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực, khách quan;
- Đáp ứng một phần tiêu chuẩn đạo đức tương ứng với chức danh nghề nghiệp như: đạo đức luật sư, đạo đức công vụ, đạo đức thẩm phán, thư ký tòa, kiểm sát viên...;
- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

* Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có lòng tự tôn dân tộc;
- Có ý thức về trách nhiệm công dân;
- Có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý;
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

3.4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

VÀ
JN
+C
IAT
OC

- Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như: tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, công an... và các cơ quan nhà nước khác từ trung ương xuống địa phương; làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị-xã hội;

- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp;

- Nhóm 3: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan;

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận và kiến thức thực tiễn trong cuộc sống;

- Cử nhân Luật có cơ hội học lên bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước.

4. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật - Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 - 2016.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

- Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học bằng thứ hai.

- Quyết định số 209/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật - Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, hình thức đào tạo chính quy.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân của nước CHXHCN Việt Nam có đủ điều kiện dự thi tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ

- Điều kiện tốt nghiệp:
- + Thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- + Tích lũy đủ các học phần và 90 tín chỉ theo chương trình đào tạo
- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học từ 2.0 điểm trở lên:

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng thang điểm 10 và thang điểm A, B, C, D

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy là 90 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức chung	11 TC
- Khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành	55 TC
- Khối kiến thức chuyên ngành	14 TC
- Thực tập - thực tế	04 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	06 TC

9. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				L.T	TH	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		11				
1.	LUA203006	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	35	10	90	HK1
2.	LUA202007	Luật Hiến pháp tư sản	2	20	10	60	HK1
3.	LUA202008	Lý luận Nhà nước và pháp luật (phần chung)	2	20	10	60	HK1
4.	LUA202009	Lý luận Nhà nước và pháp luật (phần cụ thể)	2	20	10	60	HK1
5.	LUA202010	Xây dựng văn bản pháp luật	2	20	10	60	HK3
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
	<i>* Kiến thức cơ sở ngành, khối ngành</i>		55				
6.	LUA202019	Luật Hiến pháp 1	2	20	10	60	HK1
7.	LUA202020	Luật Hiến pháp 2	2	20	10	60	HK2
8.	LUA202021	Luật học so sánh	2	20	10	60	HK3
9.	LUA203022	Luật Hành chính	3	35	10	90	HK1
10.	LUA202023	Luật Tổ tụng hành chính	2	20	10	60	HK2
11.	LUA203024	Luật Hình sự 1	3	35	10	90	HK1
12.	LUA202025	Luật Hình sự 2	2	20	10	60	HK2
13.	LUA203026	Luật Dân sự 1	3	35	10	60	HK1
14.	LUA202027	Luật Dân sự 2	2	30	10	60	HK2

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
15.	LUA202028	Luật Hôn nhân và gia đình	2	35	10	60	HK2
16.	LUA204029	Luật Tố tụng hình sự	4	45	15	120	HK3
17.	LUA203030	Luật Thương mại 1	3	35	10	90	HK1
18.	LUA202031	Luật Thương mại 2	2	20	10	60	HK2
19.	LUA203032	Luật Lao động	3	35	10	90	HK2
20.	LUA202033	Luật Tài chính	2	20	10	60	HK2
21.	LUA202034	Luật Ngân hàng	2	20	10	60	HK2
22.	LUA202035	Luật Đất đai	2	20	10	60	HK3
23.	LUA202036	Luật Môi trường	2	20	10	60	HK3
24.	LUA203037	Luật Tố tụng dân sự	3	30	15	90	HK3
25.	LUA202038	Công pháp quốc tế 1	2	20	10	60	HK2
26.	LUA202039	Công pháp quốc tế 2	2	20	10	60	HK3
27.	LUA203040	Tư pháp quốc tế	3	35	10	90	HK3
28.	LUA202041	Luật Thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK3
* Khối kiến thức chuyên ngành			14				
<i>Kiến thức bắt buộc (06 TC)</i>			6				
29.	LUA202042	Tội phạm học	2	20	10	60	HK4
30.	LUA202043	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	20	10	60	HK4
31.	LUA202056	Luật Kinh tế quốc tế	2	20	10	60	HK4
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 08 TC trong các học phần sau)</i>			8				
32.	LUA202044	Pháp luật và kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính	2	20	10	60	HK4
33.	LUA202045	Pháp luật hộ tịch	2	20	10	60	HK4
34.	LUA202046	Đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật	2	20	10	60	HK4
35.	LUA202047	Lý luận định tội danh	2	20	10	60	HK4
36.	LUA202048	Khoa học điều tra hình sự	2	20	10	60	HK4
37.	LUA202049	Tâm lý học tư pháp	2	20	10	60	HK4
38.	LUA202050	Pháp luật an sinh xã hội	2	20	10	60	HK4
39.	LUA202051	Pháp luật thị trường chứng khoán	2	20	10	60	HK4
40.	LUA202052	Pháp luật cạnh tranh	2	20	10	60	HK4
41.	LUA202053	Pháp luật về thị trường bất động sản	2	20	10	60	HK4
42.	LUA202054	Pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	20	10	60	HK4
43.	LUA202055	Kỹ năng đàm phán, giao kết và giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự	2	20	10	60	HK4
44.	LUA202057	Luật Đầu tư quốc tế	2	20	10	60	HK4

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
45.	LUA202058	Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK4
III	THỰC TẬP, KIẾN TẬP		4				
46.	LUA202090	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	2	18	12	60	HK5
47.	LUA202091	Thực tập tốt nghiệp (báo cáo thực tập tốt nghiệp)	2		30	60	HK5
IV	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ KLTN		6				
48.	LKT206059	Khoá luận tốt nghiệp	6		90	180	HK5
	Các học phần thay thế KLTN (Lựa chọn trong các chuyên đề tự chọn chưa mở lớp ở HK4) Học phần tốt nghiệp 1: 2 Học phần tốt nghiệp 2: 2 Học phần tốt nghiệp 3: 2		6				HK5
		Tổng cộng	90				



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Lương